

Bản án số: 10/2025/HNGĐ – ST

Ngày: 22 – 9 – 2025

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tư và bà Lê Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 28-07-2025, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Nhung Phương U, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng (Địa chỉ cũ: Thôn A, xã N, huyện Đ' L, tỉnh Đắk Nông) – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thế Mến T, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng (Địa chỉ cũ: Thôn A, xã N, huyện Đ' L, tỉnh Đắk Nông) – Đang chấp hành án tại Trại giam Đ; địa chỉ tại: Thôn F, xã C, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Nhung Phương U trình bày: Bà và ông Lê Thế M Trai đăng ký kết hôn từ năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ' Lấp, tỉnh Đắk Nông. Nay cuộc sống của hai ông bà không còn hòa hợp, tình trạng cuộc sống chung đã trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi vã, mâu thuẫn kéo dài. Nay xét thấy không thể tiếp tục sống chung bà U làm đơn xin được ly hôn với ông Lê Thế Mến T, hiện nay ông T đang chấp hành án tại Trại giam Đ, địa chỉ tại: Thôn F, xã C, tỉnh Đắk Lắk.

Về con chung: Không có
Về tài sản chung: Không có
Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Lê Thế Mến T trình bày: Ông và bà Nguyễn Nhung Phương U đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại xã Đ, huyện Đ' L, tỉnh Đắk Nông (cũ). Ông bà chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp. Đến năm 2023 thì ông T bị bắt đi chấp hành án tại Trại giam Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Nay bà U muốn ly hôn ông đồng ý ly hôn với bà U

Về con chung: Không có con chung
Về tài sản chung: Không có
Về nợ chung: Không có
Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 27, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; đúng tư cách tham gia tố tụng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Nhung Phương U.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Nhung Phương U được ly hôn với anh Lê Thế Mến T.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.
Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: chị Nguyễn Nhung Phương U phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Nhung Phương U có đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng giải quyết cho bà được ly với ông Lê Thế Mến T; địa chỉ: Thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ; địa chỉ tại: Thôn F, xã C, tỉnh Đắk Lắk, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 7 – Lâm Đồng.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn là bà Nguyễn Nhung Phương U và ông Lê Thế Mến T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Nhung Phương U và ông Lê Thế Mến T kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông năm 2022, là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Nhung Phương U và ông Lê Thế Mến T là vợ chồng chung sống từ năm 2022, quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông T đang đi chấp hành án tại trại giam Đ từ năm 2023 cho đến nay.

Xét mâu thuẫn giữa các đương sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà U yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T là có căn cứ. Mặt khác, ông T cũng đồng ý ly hôn với bà U. Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Nhung Phương U về quan hệ hôn nhân công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Nhung Phương U và ông Lê Thế Mến T.

[4]. Về con chung: Không có

[5]. Về tài sản chung: Không có tài sản chung

[6]. Về nợ chung: Không có nợ chung

[7]. Về án phí: bà Nguyễn Nhung Phương U là nguyên đơn phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Nhung Phương U và ông Lê Thế M Trai

1. 1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Nguyễn Nhung Phương U và ông Lê Thế Mến T thuận tình ly hôn.

1. 2. Về con chung: Không có

1. 3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung

1.4. Về nợ chung: Không có nợ chung

2. Về án phí: Bà Nguyễn Nhung Phương U phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001241 ngày 25 tháng 07 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 – Lâm Đồng;
- Cơ quan THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Kiên Đức, Lâm Đồng (xã Đạo Nghĩa, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông vào sổ số 40 ngày 06/12/2022)
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Anh

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Anh